

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST

Ngày: 14/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vi Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Thái Quang Định**

Bà **Vũ Thị Xuyên**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Bích Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/8/1978, tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 1, khu T, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án: Năm 2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 28/8/2019, chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2003, bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 29/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Uông Bí. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đầu Thị D**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/9/1993, tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ 2, khu 3, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đầu Khắc V và bà Lê Thị H; Chồng là Đinh Quang T (đã ly hôn); Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 29/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Uông Bí. Có mặt.

** Những người làm chứng:*

- Anh **Trịnh Văn T**, sinh năm: 2002; Địa chỉ: Tổ 1, khu H, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Ông **Phạm Văn T**, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Tổ 3, khu T, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

** Người chứng kiến:*

- Bà **Đỗ Thị Tuyết T**, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Tổ 4, khu T, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi trưa ngày 25/12/2020, Nguyễn Văn T nhận được 01 cuộc gọi của anh L (bạn xã hội, không rõ tên tuổi, địa chỉ) giới thiệu quen biết một người đàn ông tên M, ở thành phố Hải Phòng bán ma túy đá, hỏi T có mua không, T bảo có. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, M gọi điện cho T trao đổi về việc mua bán ma túy đá, sau đó hai bên hẹn gặp nhau tại quán nước chè gần cầu Đá Bạc thuộc thành phố Hải Phòng để T trực tiếp mua 1.000.000đồng tiền ma túy đá. Khoảng 10 phút sau, tại địa điểm như đã hẹn, T đưa cho M 1.000.000đồng và nhận từ M 01 gói giấy nhỏ màu vàng. Tin tưởng trong gói giấy chứa ma túy đá, T cất vào người rồi về nhà. Đến nhà, T kiểm tra thấy trong gói giấy có 01 túi nilon màu trắng, trong chứa chất ma túy đá. T chia số ma túy đó thành 03 túi nhỏ cất giấu ở vườn nhà để sử dụng dần.

Rạng sáng ngày 29/12/2020, Đào Thị D gọi điện cho T nói mình đang ở khu vực ngã 3 đường 10, thuộc phường P, thành phố Uông Bí và hỏi xin T ma túy đá để sử dụng, T đồng ý. Sau đó, T lấy 03 túi ma túy đá giấu ở vườn cho vào túi quần phía sau bên trái và mang theo 01 ống thủy tinh để sử dụng ma túy đá, rồi đi taxi đến ngã 3 đường 10 đón D đi đến 01 nhà nghỉ thuộc thị xã Đông Triều (không nhớ chính xác địa chỉ), thuê một phòng. Tại đây, T bỏ ra 01 túi ma túy đá, lấy một ít ma túy trong túi bỏ vào “lò” rồi cùng D sử dụng chung, số ma túy còn lại trong túi vừa sử dụng T để trên mặt bàn cho D rồi về nhà trước. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, D ngủ dậy, cho túi ma túy đá trên mặt bàn vào phần giữa pin và thân chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel màu xanh, cất trong túi xách giả da đen; nhặt chiếc “lò” cho vào túi xách nilon nhiều màu rồi đón taxi đến nhà T chơi.

Đến khoảng 17 giờ 25 phút cùng ngày, T tiễn D ra về. Khi đến khu T 1, phường P, thành phố Uông Bí thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang: thu giữ của T 02 gói ma túy (ký hiệu M1, M2); thu giữ của D gói ma túy cất giấu trong điện thoại (ký hiệu M3) và 01 ống thủy tinh màu trắng dài khoảng 15cm (lò), trong có dạng vết màu nâu (ký hiệu M4). Ngoài ra, Công an còn thu giữ của T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart vỏ màu xanh cùng sim số, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen không sim và số tiền 6.500.000đồng; thu giữ của D: 01 điện

thoại nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng và 01 điện thoại nhãn hiệu Honor vỏ màu đen (đều có sim số), 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel vỏ màu xanh và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen (đều không sim), 01 túi xách giả da màu đen, 01 túi xách nilon nhiều màu và số tiền 660.000đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T đã phát hiện, thu giữ: 01 nắp chai nhựa màu trắng đục sẵn hai lỗ nhỏ, một lỗ gắn ống hút bằng nhựa màu trắng dài khoảng 20cm, một lỗ gắn ống thủy tinh uốn cong dài khoảng 10cm, một đầu thẳng, một đầu uốn cong có bầu, trong bầu tròn dính chất dạng vết màu nâu (ký hiệu M5).

Bản Kết luận giám định số 199/KLGD ngày 04/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Mẫu vật ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 gửi giám định là ma túy; Loại: Methamphetamine. Khối lượng như sau: M1: 0,325g; M2: 0,306g; M3: 0,205g; M4, M5 không xác định được khối lượng.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSUB ngày 09/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 294 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Đầu Thị D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố.

Những người làm chứng anh Trịnh Văn T, ông Phạm Văn T, người chứng kiến bà Đỗ Thị Tuyết T đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ phù hợp nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự (bị cáo Nguyễn Văn T áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự) Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 21 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2020.

Bị cáo Đầu Thị D mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2020.

- *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- *Về vật chứng của vụ án:*

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 199/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh, bên trong chứa ma túy và mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart vỏ màu xanh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Honor vỏ màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu xanh.

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (Hai) sim số: 0355.430.395, 0364.902.593; 01 túi xách giả da, 01 túi xách nilon nhiều màu;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và số tiền 6.500.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Đầu Thị D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng cùng sim số 0934.218.667, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và số tiền 660.000đ.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của vụ án, biên bản kiểm tra điện thoại, kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 25 phút ngày 29/12/2020, tại tổ 1, khu T 1, phường P, thành phố Uông Bí, Nguyễn Văn T và Đầu Thị D bị bắt quả tang khi đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Trong đó, lượng ma túy T tàng trữ là 0,836gam và lượng ma túy D tàng trữ là 0,205gam.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều là những người nghiện chất ma túy, thực hiện lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Ông B, tỉnh Quảng Ninh truy tố là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác trong cộng đồng, làm ảnh hưởng đến kinh tế của bản thân và gia đình, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo T là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và phải chấp hành án phạt tù, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

Đánh giá về mức độ và vai trò tội phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể. Bị cáo T là người đi mua ma túy sau đó về chia cho bị cáo D một ít để cả hai cùng sử dụng, bị cáo T tàng trữ với lượng 0,836 gam; bị cáo D tàng trữ lượng 0,205 gam. Do vậy bị cáo T là người có vai trò chính, còn bị cáo D cùng tham gia tàng trữ 0,205 gam ma túy với bị cáo T nên bị cáo D có vai trò sau.

* *Tình tiết tăng nặng:* Năm 2018 bị cáo T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 28/8/2019 chấp hành xong hình phạt tù, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

**Tình tiết giảm nhẹ:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy xét về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết khác đối với từng bị cáo, cần phải có hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong số 199/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh, bên trong chứa ma túy và mẫu vật hoàn lại sau giám định thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart vỏ màu xanh thu giữ của bị cáo T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Honor vỏ màu đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu xanh thu giữ của bị cáo D, đây là những vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- 02 (Hai) sim số: 0355.430.395, 0364.902.593; 01 túi xách giả da, 01 túi xách nilon nhiều màu không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và số tiền 6.500.000đ; Trả lại cho bị cáo Đầu Thị D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng cùng sim số 0934.218.667, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và số tiền 660.000đ là tài sản của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về số tiền thu giữ của bị cáo T và bị cáo D cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Những tình tiết khác trong vụ án: Đối với người đàn ông tên L giới thiệu người bán ma túy cho T và người đàn ông tên Mười bán ma túy cho T, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên HĐXX không đề cập.

Theo lời khai của bị cáo T và bị cáo D về hành vi cùng nhau sử dụng chất ma túy vào rạng sáng ngày 29/12/2020 tại một nhà nghỉ ở thị xã Đông Triều. Nhưng xét thấy các bị cáo đều là những đối tượng nghiện chất ma túy (T đã nghiện ma túy hơn 03 năm và D đã nghiện ma túy hơn 01 năm), đồng thời địa điểm nơi các bị cáo sử dụng chất ma túy cũng không xác định được chính xác. Do vậy không xem xét xử lý hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với các bị cáo.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. (Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T).

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn T, Đầu Thị D** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 24** (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 29/12/2020.

Xử phạt: Bị cáo **Đầu Thị D 12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 29/12/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: khoản 1; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 199/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh; 02 (Hai) sim số: 0355.430.395, 0364.902.593; 01 túi xách giả da, 01 túi xách nilon nhiều màu;

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart vỏ màu xanh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Honor vỏ màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Tạm giữ số tiền để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Đầu Thị D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng cùng sim số 0934.218.667, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và số tiền 660.000đ (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Tạm giữ số tiền để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng được mô tả tại Biên bản giao nhận vật ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Đầu Thị D mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 14 tháng 5 năm 2021/.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra – Công an TP Uông Bí;
- Cơ quan THSHS - Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thanh Hà